

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 01- 02 -2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hồng Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 26/2020/TLPT-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2020/HNGĐ-ST ngày 21-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1970; cư trú tại: Tổ 12, ấp T B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; cư trú tại: Tổ 12, ấp T B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th– Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Vinh H– Phó Giám đốc Phụ trách chi nhánh Ngân Hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn khu vực mía đường Tân

H, tỉnh Tây Ninh, theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27-12-2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Ông H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Thanh Khoa N – Chức vụ: Phó Giám đốc Phụ trách chi nhánh Ngân Hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn khu vực mía đường Tân H, theo Giấy ủy quyền ngày 28-4-2020; Tòa không triệu tập.

4. Viện kiểm sát nhân dân huyện T kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Lê Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986 đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Bà L về sống chung với gia đình ông H làm dâu cho đến năm 2018. Quá trình chung sống vợ, chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn kéo dài, bà cố gắng chịu đựng để sống vì các con còn nhỏ. Ông H thường xuyên đánh đập, xua đuổi, chửi bà. Năm 2018 bà về sống với con gái, ông H yêu cầu bà nộp đơn ly hôn để ông được tự do. Bà cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, bà L làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 phần đất có diện tích 4.660, 30m², thửa số 451, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại ấp T B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, được Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 20 tháng 4 năm 2016. Trên đất có căn nhà tường, công trình phụ trên đất và cây trái gắn liền trên đất.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh năm 1988; Nguyễn Hồng G, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1992, các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Là phần đất, căn nhà xây trên đất và các công trình phụ trên đất nêu trên yêu cầu chia theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Tân Hưng số tiền 430.000.000 đồng. Bà đồng ý cùng có trách nhiệm trả theo quy định, mỗi người trả một nửa là 215.000.000 đồng cùng tiền lãi theo hợp đồng tín dụng.

Bị đơn - ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian chung sống, con chung. Riêng về mâu thuẫn của vợ chồng thì bà L trình bày chưa đúng, ông không đánh bà L do bà L không thật với ông. Khi bà L mua xe mô tô ông hỏi tiền đâu mua xe thì bà L nói tiền của con gái cho mua nhưng thật sự không phải, tiền là do

bà L giấu tự ý mua xe trả góp mà không thông qua cho ông biết nên ông giận, có la mắng bà L chứ không đánh. Hiện ông còn thương bà L không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất như bà L trình bày, đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, tài sản bà L trình bày là không đúng, tài sản trên cha, mẹ ông cho riêng ông không phải tài sản chung của vợ chồng. Trên đất có căn nhà tường xây năm 2008, tiền xây nhà là chung của vợ chồng, phần đất phía sau nhà có trồng nhãn là của chung vợ chồng, ông đồng ý căn nhà và toàn bộ cây nhãn trồng trên đất là tài sản chung, đồng ý chia theo quy định riêng phần đất là tài sản riêng của ông, ông không đồng ý chia. Ông không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng như bà L trình bày đó là nợ chung của vợ chồng nên vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Khoa Nguyễn Đại diện ủy quyền lại trình bày:

Ông H, bà L có vay của Ngân Hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn khu vực mía đường Tân H, tỉnh Tây Ninh, tổng số tiền là 430.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng), tài sản thế chấp là toàn bộ phần đất và tài sản trên đất ông H đang ở. Đến hạn, ông H đã trả được 170.000.000 đồng tiền gốc và toàn bộ lãi, hiện còn nợ lại Ngân hàng 260.000.000 đồng tiền gốc. Cụ thể trả như sau: Ngày 26 tháng 3 năm 2020 ông H đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 7.200.000 đồng, lãi 7.804.751 đồng. Ngày 01 tháng 4 năm 2020 ông H đã trả tiền gốc là 162.800.000 đồng, lãi 11.527.916 đồng. Ngày 08 tháng 6 năm 2020 ông H trả tiền gốc là 260.000.000 đồng, lãi 5.488.493 đồng. Tổng số tiền gốc đã trả là 430.000.000 đồng và lãi là 24.821.160 đồng. Hiện ông H, bà L đã trả tất toán không còn nợ Ngân hàng, Ngân hàng đã giao trả toàn bộ tài sản thế chấp tại Ngân hàng cho ông H xong. Nay vợ chồng ông H, bà L ly hôn và yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung thì Ngân hàng không có ý kiến.

Tại Bản án hôn nhân số 42/2020/HNGĐ-ST ngày 21-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh tuyên xử:

Căn cứ các Điều 33, 38, 55, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn H.

2. Về quan hệ con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh năm 1988; Nguyễn Hồng G, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1992, các con đã trưởng thành có cuộc sống riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Tài sản chung của bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn H gồm: Căn nhà tường cấp 4 xây trên đất đang tranh chấp có diện tích nhà là $110m^2$, nhà tạm, nhà bếp, vườn nhãn trồng trên đất và diện tích đất $4.660,3m^2$, thuộc thửa số 450, tờ bản đồ số 55 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 20/4/2016 theo giấy CNQSDĐ số CS09141. Đất tọa lạc tại ấp T B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ghi nhận các bên không tranh chấp giá trị vườn nhãn, vật dụng trong gia đình và những tài sản khác trên đất, nếu được chia đất thì cây nhãn trên đất ai được chia (nếu có) thì người đó được hưởng.

Tài sản được chia như sau:

- Bà Lê Thị L được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích $1505,00m^2$, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp thửa số 75 dài 10,15m; hướng Tây giáp đường đất dài 10,15m; hướng Nam giáp đất ông H được chia dài 158,30m; hướng Bắc giáp đất Nguyễn ngọc Thanh dài 59,83m, 33,61m, 19,93m, 9,37m, 35,08m. (cây nhãn trên đất bà L được chia thì bà L hưởng).

- Ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu căn nhà tường xây trên đất có diện tích $110m^2$, nhà tạm, nhà bếp và được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích $3.059,20m^2$, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp thửa số 75 dài 17,62m; hướng Tây giáp đường đất dài 20,98m; hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Thơ dài 159,10m; hướng Bắc giáp đất bà L được chia dài 158,30m. (cây nhãn trên đất ông H được chia thì ông H hưởng).

Phần đất ông H, bà L được chia nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09141, thuộc thửa số 450, tờ bản đồ số 55 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 20/4/2016.

Ông H, bà L cùng có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với diện tích đất và tứ cận được giao trên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04-8-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện T kháng nghị, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm với các lý do sau:

Không chia hết tài sản chung, chia tài sản là quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật, gộp chung tài sản để quy ra quyền sử dụng đất, về án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã rút 01 phần kháng nghị số 04 ngày 04-8-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T cụ thể: Rút lại kháng nghị đối với việc Tòa án sơ thẩm không chia hết tài sản chung, chia tài sản là quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật, gộp chung tài sản để quy ra quyền sử dụng đất. Bổ sung vào kháng nghị nội dung: Cấp sơ thẩm vi phạm khoản 2 Điều 101 Bộ luật Tố tụng dân sự đối với biên bản thẩm định tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh đã chuyển nhượng phần đất trống mà cấp sơ thẩm đã chia cho bà L cho người khác vào tháng 02-2020 nhưng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ, đưa không đầy đủ người tham gia tố tụng nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại. Việc bổ sung vào kháng nghị những nội dung trên không vượt với nội dung kháng nghị ban đầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cung cấp hợp đồng đặt cọc tiền mua đất giữa ông với bà Trần Thị H vào ngày 09-02-2020; ông H trình bày đã hoàn thành việc chuyển nhượng cho bà Hạnh 10 m x 50 m (phần đất mà cấp sơ thẩm chia cho bà L); bên cạnh đó, ông H cũng cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp mới số CS10168 ngày 06-8-2020 diện tích 4.160,6m², thửa số 684, tờ bản đồ số 55.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà L trình bày: Do ông H chuyển nhượng phần đất mà bà được cấp sơ thẩm chia cho người khác và người nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà yêu cầu ông H trả lại cho bà giá trị bằng tiền của quyền sử dụng đất được chia theo giá Hội đồng định giá huyện T đã định tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị, Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng nghị số 04 ngày 04-8-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã được thay đổi, bổ sung tại phiên tòa. Tại phiên tòa, bà L đồng ý nhận bằng giá trị quyền sử dụng được chia và hiện nay phần đất bà L được chia ông H đã chuyển nhượng cho người khác. Tại phiên tòa, ông H khai đã chuyển nhượng cho bà Hạnh được lập hợp đồng tách thửa, sau khi xét xử sơ thẩm là tháng 8 năm 2020 đây là lỗi của ông H nên ông H có trách nhiệm thanh toán lại cho bà L giá trị quyền sử dụng đất được chia; do đó đối với nội dung kháng nghị mà Viện

kiểm sát đã nêu là Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm khoản 2 Điều 101 của Bộ luật tố tụng dân sự, không đưa người tham gia tố tụng là không cần thiết nên tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thay đổi kháng nghị từ đề nghị hủy bản án sơ thẩm sang đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên Viện kiểm sát tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị số 04 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã được kiểm sát viên thay đổi tại phiên tòa về phần án phí, chấp nhận yêu cầu của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T thấy rằng:*

[1.1] Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 1986 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, bà L về sống chung với gia đình ông H cho đến năm 2018. Do mâu thuẫn giữa bà L với ông H trầm trọng nên bà L về sống chung với con gái. Ông H thừa nhận, sau khi ông và bà L chung sống với nhau thì bà L được cha mẹ ruột cho tài sản là quyền sử dụng đất, bà L đã bán phần đất của cha mẹ ruột cho, đem tiền về mua phần đất rẫy sử dụng. Đến năm 2008, bán đất rẫy lấy tiền xây căn nhà tường cấp 4 có diện tích 110m², nhà tạm, nhà bếp và các công trình phụ xây tổng trị giá căn nhà và công trình phụ còn lại là 292.351.800 đồng trên diện tích 4.660,30m² thửa số 451, tờ bản đồ số 55 của cha mẹ ông H cho ông H nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà đất là tài sản chung của ông H, bà L và chia cho ông H diện tích 3.059,20m²; bà L diện tích 1.505,00m² là có căn cứ.

[1.2] Ông H khai đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất cấp sơ thẩm chia cho bà L cho bà Trần Ngọc Hạnh vào tháng 8 năm 2020. Bà Trần Ngọc Hạnh đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Văn H được Sở Tài nguyên cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10168 ngày 06-8-2020 diện tích 4.160,6m² thửa 684, tờ bản đồ số 55. Tại phiên tòa bà L đồng ý nhận giá trị bằng tiền. Do đó, cần buộc ông H có nghĩa vụ giao cho bà L số tiền 507.765.320 đồng (năm trăm lẻ bảy triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi đồng), tương đương với diện tích 1.505,00m².

[1.3] Tài sản chung của ông H, bà L: Căn nhà tường cấp 4 giá trị còn lại là 213.180.000 đồng; mái hiên giá trị còn lại là 55.527.000 đồng; nhà tạm giá trị còn lại là 13.300.200 đồng; nhà bếp giá trị còn lại là 10.344.600 đồng. Tổng trị giá căn nhà và công trình phụ là 292.351.800 đồng (hai trăm chín mươi hai triệu ba trăm

năm mươi một ngàn tám trăm đồng). Phần đất có giá trị 1.472.500.000 đồng. Tổng cộng nhà và đất là 292.351.800 đồng (nhà) +1.472.500.000 đồng (đất) = 1.764.851.800 đồng – 454.821.160 đồng (nợ ngân hàng) =1.310.030.640 đồng chia cho ông H 802.265.320 đồng, chia cho bà L 507.765.320 đồng. Ông H phải chịu tiền án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản ông H được chia, nhưng cấp sơ thẩm buộc ông H phải chịu tiền án phí vượt quá số tiền ông H được chia tài sản là không đúng theo khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Cấp phúc thẩm sửa lại cho đúng quy định của pháp luật.

[1.4] Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 07-02- 2020 của Tòa án cấp sơ thẩm không có đóng dấu xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T là vi phạm khoản 2 Điều 101 Bộ luật Tố tụng dân sự; cần rút kinh nghiệm.

[2] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2020/HNGĐ-ST ngày 21-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình; án phí dân sự của phần tài sản chung là 24.310.600 đồng.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự của phần chia tài sản chung là 36.067.959 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

[4] Về chi phí đo đạc, thẩm định giá: Bà Lê Thị L tự nguyện chịu 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) chi phí thẩm định giá và chi phí đo đạc. Ghi nhận đã nộp xong.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 33, 38, 55, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 42/2020/HNGĐ-ST ngày 21-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn H.

4. Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Hồng N, sinh năm 1988; Nguyễn Hồng G, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1992, các con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản chung:

Tài sản chung của bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn H gồm: Căn nhà tường cấp 4 xây trên đất đang tranh chấp có diện tích nhà là $110m^2$, nhà tạm, nhà bếp, vườn nhãn trồng trên đất và diện tích đất $4.660,3m^2$, thuộc thửa số 450, tờ bản đồ số 55 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 20/4/2016 theo giấy CNQSDĐ số CS09141 (giấy cũ). Giấy mới cấp đổi số CS10168 ngày 06-8-2020 diện tích $4.160,6m^2$ thửa 684, tờ bản đồ số 55. Đất tọa lạc tại ấp T B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ghi nhận các bên không tranh chấp giá trị vườn nhãn, vật dụng trong gia đình.

Tài sản được chia như sau:

- Ông Nguyễn Văn H được quyền sở hữu căn nhà tường xây trên đất có diện tích $110m^2$, nhà tạm, nhà bếp và được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích $4.160,6m^2$, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp thửa số 75 dài 27,77m; hướng Tây giáp đường đất dài 21,13m; hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Thơ dài 159,10m; hướng Bắc giáp đất thửa đất 685 dài 50m + thửa 654 dài 72,64 m + thửa 655 dài 35,17m. Trên đất có cây nhãn.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS09141, thuộc thửa số 450, tờ bản đồ số 55 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 20/4/2016 (Giấy cũ). Giấy mới ông Nguyễn Văn H được Sở Tài nguyên cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10168 ngày 06-8-2020 diện tích $4.160,6m^2$ thửa 684, tờ bản đồ số 55. Đất tọa lạc tại ấp T B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Đất tọa lạc tại ấp T B, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Buộc ông Nguyễn Văn H giao cho bà Lê Thị L số tiền 507.765.320 đồng (năm trăm lẻ bảy triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi đồng) là giá trị quyền sử dụng đất diện tích 1.505,00m².

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí:

6.1 Án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình và 24.310.600 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015520 ngày 24 tháng 6 năm 2019 và 8.125.000 đồng theo biên lai thu số 0015726 ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Bà L còn phải nộp thêm 16.185.600 đồng (mười sáu triệu một trăm tám mươi lăm ngàn sáu trăm đồng).

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 36.067.959 đồng (ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản.

6.2 Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn H không phải chịu.

7. Về chi phí đo đạc, thẩm định giá: Bà Lê Thị L tự nguyện chịu 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) chi phí đo đạc, thẩm định giá. Ghi nhận đã nộp xong.

8. Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện T;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THA DS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ;.

Phạm Thị Hồng Vân